TÒA ÁN NHÂN DÂN **KVA** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 12 – 2025
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KVA – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Hạnh

Bà Võ Thị Kim Son

- *Thư ký Phiên tòa*: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KVA – Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 536/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 345/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp TTVX, xã NA, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Ông Châu Ngọc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp TTVX, xã NA, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Tr trình bày :

Bà và ông T chung sống và có đăng ký tết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào ngày 11/03/2015. Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Châu Như H sinh ngày 21/09/2013 và Châu Gia K, sinh ngày 16/01/2017. Thời gian gần đây bà và ông T thường xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng nhất, không thể cùng nhau bàn bạc, trao đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên vợ chồng bà quyết định ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cả 02 cháu H và K đều sống cùng ông T. Vì vậy bà thống nhất giao cả 02 cháu cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Châu Ngọc T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Cháu Châu Gia K và Châu Như H có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha là ông Châu Ngọc T.

Kết quả xác minh tại địa phương, hiện nay ông Châu Ngọc T sống cùng cha mẹ. Ông thường xuyên đi làm và nhờ cha mẹ hỗ trợ chăm sóc các con. Địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc Tr đối với ông Châu Ngọc T; Giao các cháu Châu Như H, sinh ngày 21/09/2013 và Châu Gia K, sinh ngày 16/01/2017 cho ông Châu Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự

không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Ngọc Tr có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Châu Ngọc T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp TTVX, xã NA, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Ngọc Tr có đơn xin vắng mặt, ông Châu Ngọc T được triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc Tr và ông Châu Ngọc T chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà Tr và ông T là tự nguyện và hợp pháp. Bà Tr xác định hiện nay bà và ông T không sống cùng nhau, tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với nhau. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ thông qua cha ruột là ông Châu Ngọc Tấn. Ông Tấn xác định đã thông báo và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa cho ông T nhưng ông T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Điều đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc Tr.

[4] Về con chung: Hiện nay, cả 02 cháu Châu Như H, sinh ngày 21/09/2013 và Châu Gia K, sinh ngày 16/01/2017 đều sống cùng ông T. Các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông T. Để ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cả 02 cháu, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục

giao cháu H và cháu K cho ông T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không có đơn yêu cầu xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Ngọc Tr xác định không có, ông Châu Ngọc T cũng không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc Tr.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc Tr được ly hôn với ông Châu Ngọc T.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Châu Như H, sinh ngày 21/09/2013 và Châu Gia K, sinh ngày 16/01/2017 cho ông Châu Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

1.4. Bà Bùi Thị Ngọc Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà Tr thực hiện quyền này.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Bà Bùi Thị Ngọc Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004225 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà Tr không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTPCT;
- VKSND KVA-CT;
- Phòng THADS KVA-CT;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm